

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021

Thực hiện nhiệm vụ rà soát quy định thủ tục hành chính theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả thực hiện công tác rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 như sau:

I- CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá đối với 04 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực Đất đai và lĩnh vực Hộ tịch (Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 18/01/2021), trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng đơn vị, thời gian hoàn thành việc rà soát, đánh giá TTHC đã đề ra, cụ thể các TTHC:

1. Thủ tục: Cấp bản sao trích lục hộ tịch;
2. Thủ tục: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận;
3. Thủ tục: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp;
4. Thủ tục: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.

Trên cơ sở Kế hoạch đã được phê duyệt, UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá TTHC, tính toán chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa và chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

II- KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Huyện đã thực hiện rà soát, đánh giá 04 TTHC năm 2021, đạt 100% kế hoạch đề ra, kết quả như sau:

- Tổng số TTHC được rà soát: 04
- Tổng số phương án, sáng kiến đơn giản hóa: 04
- Tổng chi phí tiết kiệm: 472.446.717 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí theo phương án mới: 12,44%.

Cụ thể các TTHC được rà soát như sau:

1. Thủ tục: Cấp bản sao Trích lục hộ tịch

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Về cách thức thực hiện: Đề nghị bổ sung về hình thức nộp hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hộ tịch năm 2014 và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

Lý do: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hộ tịch năm 2014 và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan đăng ký hộ tịch hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến, chưa quy định cụ thể, do đó cần quy định hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến (qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh hoặc Chính Phủ).

b) Về phí, lệ phí: Đề nghị triển khai thêm hình thức nộp phí không dùng tiền mặt như: thanh toán trực tuyến, chuyển khoản, ...

Lý do: Hiện tại đang triển khai thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trực tuyến mức độ 3, 4 nên cần quy định cách thức nộp lệ phí không dùng tiền mặt như: chuyển khoản, thanh toán trực tuyến,.... để thuận tiện hơn cho người dân thực hiện.

c) Về mẫu đơn, tờ khai: Đề nghị bỏ phần nội dung nơi cư trú để phù hợp với quy định.

Lý do: Điều 63 của Luật Hộ tịch năm 2014 quy định “cá nhân không phụ thuộc vào nơi cư trú có quyền yêu cầu Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch cấp bản sao trích lục hộ tịch về sự kiện hộ tịch của mình đã được đăng ký”, với quy định này thì dù cá nhân cư trú bất kỳ nơi nào cũng có quyền yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch, do đó nội dung nơi cư trú không cần thiết phải có trong tờ khai.

d) Về yêu cầu, điều kiện: Đề nghị quy định nội dung về điều kiện để cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

Lý do: Điều kiện để cấp bản sao Trích lục hộ tịch là phải có Sổ hộ tịch hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để căn cứ cấp bản sao trích lục hộ tịch quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật hộ tịch năm 2014.

1.2. Kiến nghị thực thi

a) Về cách thức thực hiện: Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hộ tịch năm 2014 và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ về quy định cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho cơ quan đăng ký hộ tịch hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến, do đó cần quy định hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

b) Về phí, lệ phí: Triển khai thêm hình thức nộp phí không dùng tiền mặt như: thanh toán trực tuyến, chuyển khoản,...

c) Về mẫu đơn, tờ khai: Lược bỏ nội dung thông tin về nơi cư trú trong Mẫu Tờ khai số 18, Phụ lục 5 được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp để phù hợp với quy định tại Điều 63 Luật Hộ tịch năm 2014.

d) Về yêu cầu, điều kiện: Quy định nội dung về điều kiện để cấp bản sao Trích lục hộ tịch để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật hộ tịch năm 2014.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

(Giả sử bình quân trong năm có 167 cá nhân thực hiện thủ tục này)

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính ban đầu: **49.810.923** đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của phương án đơn giản hóa: **30.513.906** đồng/năm;
- Khoản chi phí tiết kiệm được: **19.297.017** đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,741%.

(Đính kèm biểu rà soát, đánh giá và bảng tính chi phí tuân thủ TTHC theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP).

2. Thủ tục: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận.

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Về tên thủ tục hành chính:

Điều chỉnh lại tên TTHC thành “*Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng*”

đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận”.

Lý do: Do trường hợp đăng ký biến động do chuyển quyền sử dụng đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng có nội dung tương đồng với trường hợp thỏa thuận hợp nhất quyền sử dụng đất của vợ và chồng đã được quy định tại thủ tục “Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất” nên đề xuất chuyển trường hợp đăng ký biến động do chuyển quyền sử dụng đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng sang thủ tục “Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất” (Quy trình số 20 Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng).

+ Thủ tục hành chính được ban hành theo quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/Đ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Khoản 2 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, tên thủ tục theo Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ghi thiếu trường hợp: *thực hiện thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”.*

b) Về thành phần hồ sơ:

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục được quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhằm đảm bảo nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ phải phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan.

+ Đề nghị loại trừ văn bản “chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ chồng”.

+ Đề nghị bỏ nội dung tại mục b) “Trường hợp người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là người duy nhất thì phải có đơn đề nghị được đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thừa kế”.

+ Đề xuất chỉ yêu cầu kê khai đơn đăng ký biến động đất đai nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT.

Lý do: Thành phần hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 chưa loại trừ hồ sơ trùng lặp, cụ thể như sau:

+ Tại mục b) có quy định “Trường hợp người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là người duy nhất thì phải có đơn đề nghị được đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thừa kế” trùng với thành phần hồ sơ quy định tại dòng đầu tiên của mục b) là “Hợp đồng, văn bản về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất”. Theo quy định tại Luật Công chứng năm 2014 và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ, hợp đồng, văn bản về việc thừa kế quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã bao gồm văn bản khai nhận di sản đối với trường hợp là người thừa kế duy nhất. Do đó, việc quy định thêm thành phần đơn đề nghị được đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thừa kế (có nội dung tương đồng với văn bản khai nhận di sản) là trùng lặp.

+ Đề nghị loại trừ văn bản “chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ chồng”. Lý do: để phù hợp với tên thủ tục hành chính theo đề nghị điều chỉnh lại tên TTHC tại mục III.1.

+ Đối với Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK: Đa số nội dung thông tin ghi trong đơn có sự trùng lặp với thông tin ghi trong các loại hồ sơ khác. Nếu thành phần hồ sơ không có Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất cũng không ảnh hưởng đến việc xem xét, giải quyết thủ tục hành chính như:

Thông tin kê khai tại mục I.1, I.2 và I.3.1(Kê khai theo thông tin theo Giấy chứng nhận đã cấp): Thông tin này đã được thể hiện chi tiết trên Giấy chứng nhận đã cấp, đã được lưu trữ tại cơ quan đăng ký.

Thông tin kê khai tại mục I.3.2 (Nội dung sau khi biến động): Thông tin này đã thể hiện đầy đủ trong hợp đồng, văn bản Hợp đồng, văn bản về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Thông tin kê khai tại mục I.4, I.5 và I.6: Những thông tin này đã thể hiện trong hồ sơ nộp kèm.

Thông tin: Tôi có nhu cầu cấp GCN mới không có nhu cầu cấp GCN mới:

Theo quy định tại Điều 17 thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định cụ thể những trường

hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp và những trường hợp cấp mới GCN. Do đó, nội dung này chỉ cần thiết kê khai nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 17 thông tư số 23/2014/TT-BTNMT.

c) Về thời hạn giải quyết:

- Đề nghị quy định rõ thời gian giải quyết và xem xét việc tính thời gian giải quyết các công việc nêu trên vào thời gian giải quyết công việc; đồng thời quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Chưa quy định thời gian xem xét xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp của UBND cấp xã. Do đó, thời gian thực hiện xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp của UBND cấp xã thường kéo dài (đặc biệt là đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và có hộ khẩu thường trú ở các huyện hoặc tỉnh khác với nơi có đất), gây khó khăn kéo dài thời gian cho cơ quan giải quyết và gây phiền hà cho người đăng ký hồ sơ.

Một số công việc có quy định thời gian nhưng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ như thời gian cơ quan thuế thực hiện xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính; thời gian UBND cấp xã chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai (trường hợp người nộp hồ sơ lựa chọn hình thức nộp hồ sơ tại UBND cấp xã) và thời gian người nộp thuế bị tính tiền phạt khi quá thời hạn nộp thuế 30 ngày,... Điều này dẫn đến việc giải quyết hồ sơ thường bị gián đoạn, gây khó khăn cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả do không xác định được chính xác thời gian trả kết quả giải quyết, gây bức xúc cho người đăng ký hồ sơ đất đai (vì hiểu lầm cơ quan giải quyết kéo dài thời gian giải quyết).

- Đề nghị quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của UBND cấp xã trong việc xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa UBND cấp xã và Văn phòng đăng ký đất đai.

Lý do: Không có quy định thời gian của UBND cấp xã (nơi có đất và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho) phối hợp lấy ý kiến xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo Điều 4 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Về Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn giản hóa mẫu đơn “**Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất**”, cụ thể ở những nội dung sau:

+ “*Phần ghi của người nhận hồ sơ*”: Bỏ nội dung này để tiết kiệm thời gian xử lý. **Lý do:** Vì đây là trách nhiệm của người tiếp nhận hồ sơ theo quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

+ “*1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất*”: Điều chỉnh thành “**Người đăng ký biến động**”. **Lý do:** Nội dung trùng lặp. Thông tin này đã được thể hiện chi tiết trên Giấy chứng nhận đã cấp, đã được lưu trữ tại cơ quan đăng ký.

+ “2. Giấy chứng nhận đã cấp”:

Điều chỉnh chi tiết của mục “2. Giấy chứng nhận đã cấp” thành:

“2.1. Số Giấy chứng nhận:; ”

2.2. Ngày cấp:.....

2.3. Cơ quan cấp:.....”

Lý do: hợp lý hóa thông tin cần kê khai và tiết kiệm thời gian thực hiện.

+ “3. Nội dung biến động về:.....”

Đề nghị bỏ mục “3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động” và mục “3.2. Nội dung sau khi biến động”. **Lý do:** Nội dung trùng lặp. Thông tin này đã được thể hiện chi tiết trong hồ sơ

+ “5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động” : Đề nghị bỏ kê khai nội dung này. **Lý do:** Nội dung này nên để cơ quan Thuế hoặc cơ quan kiểm tra xác định và xác nhận và trong hồ sơ đã có kèm chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không cần thiết phải kê khai thông tin này.

+ “6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn nay gồm có” : Bỏ kê khai nội dung này. **Lý do:** Thành phần hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đã quy định chi tiết các loại giấy tờ cần nộp.

+ “Tôi có nhu cầu cấp GCN mới không có nhu cầu cấp GCN mới: Bỏ kê khai nội dung này. **Lý do:** Theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định cụ thể những trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp và những trường hợp cấp mới GCN. Do đó, nội dung này chỉ cần thiết kê khai nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 17 thông tư số 23/2014/TT-BTNMT.

2.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất điều chỉnh, bổ sung tiêu đề của Điều 79 theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thành:

“Trình tự, thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền, đổi thửa”, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.”.

- Đề xuất bỏ thủ tục quy định tại Khoản 40 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “o) Chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là không quá 5 ngày”.

Do trường hợp này là tương đồng với trường hợp thỏa thuận hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất của vợ và chồng

cũng được quy định tại Khoản 40 Điều này “d) Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, nhóm người sử dụng đất là không quá 10 ngày”;

b) Kiến nghị quy định bổ sung thời gian xem xét xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp của UBND cấp xã tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

c) Đề nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thành:

“2. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm có:

a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK (đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu cấp mới GCN theo quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

b) Hợp đồng, văn bản về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định.

c) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

d) Văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư;

đ) Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất. ”

d) Đơn giản hóa Nội dung Mẫu Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường)

Trong đó loại bỏ một số nội dung không cần thiết, bị trùng lặp như:

- Bỏ “Phần ghi của người nhận hồ sơ” để tiết kiệm thời gian;

- Điều chỉnh “1.Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất” thành “1.Người đăng ký biến động”;

- Điều chỉnh chi tiết của mục “2. Giấy chứng nhận đã cấp” thành:

“2.1. Số Giấy chứng nhận:

2.2. Ngày cấp:.....

2.3. Cơ quan cấp:.....”

- Bỏ mục 3.1 và 3.2 vì trùng lặp thông tin trong hồ sơ; mục “5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động” vì không cần thiết; Mục 6 vì đã quy định trong thành phần hồ sơ”; bỏ nội dung “Tôi có nhu cầu cấp GCN mới không có nhu cầu cấp GCN mới.” vì Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định cụ thể.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

(Căn cứ kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục này trong 6 năm qua từ ngày 01/6/2015 đến ngày 01/6/2021, đã thực hiện tiếp nhận, giải quyết được 3.472 hồ sơ, bình quân mỗi năm tiếp nhận gần 579 hồ sơ/năm)

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính ban đầu: **3.430.310.252** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của phương án đơn giản hóa: **2.993.773.202** đồng/năm;

- Khoản chi phí tiết kiệm được: **436.537.050** đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **12,726%**.

(Đính kèm biểu rà soát, đánh giá và bảng tính chi phí tuân thủ TTHC theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP).

3. Thủ tục: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Về tên thủ tục hành chính:

- Đề xuất chuyển trường hợp đăng ký biến động do chuyển quyền sử dụng đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng từ thủ tục được quy định tại thủ tục số 18 Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 10/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng sang thủ tục hành chính này.

- Đề xuất giữ nguyên tên thủ tục do trường hợp chuyển quyền sử dụng đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng tương đồng với trường hợp thỏa thuận hợp nhất quyền sử dụng đất của vợ và chồng.

Lý do: Tên thủ tục được quy định tại Điều 84 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, qua rà soát, trường hợp đăng ký biến động do chuyển quyền sử dụng đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng được quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Khoản 40 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ có nội dung tương đồng với trường hợp thỏa thuận hợp nhất quyền sử dụng đất của vợ và chồng đã được quy định tại thủ tục này.

b) Về thời hạn giải quyết:

- Đề nghị xem xét quy định việc tính thời gian giải quyết các công việc như cơ quan thuế thực hiện xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính; thời gian UBND cấp xã chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai (trường hợp người nộp hồ sơ lựa chọn hình thức nộp hồ sơ tại UBND cấp xã) và thời gian người nộp thuế bị tính tiền phạt khi quá thời hạn nộp thuế 30 ngày,... vào thời gian giải quyết công việc; đồng thời quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Một số công việc có quy định thời gian nhưng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ như thời gian cơ quan thuế thực hiện xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính; thời gian UBND cấp xã chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai (trường hợp người nộp hồ sơ lựa chọn hình thức nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). Điều này dẫn đến việc giải quyết hồ sơ thường bị gián đoạn, trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả không xác định được chính xác thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ.

c) Về Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn giản hóa mẫu đơn “**Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất**”, cụ thể ở những nội dung sau:

+ “*Phần ghi của người nhận hồ sơ*”: Bỏ nội dung này để tiết kiệm thời gian xử lý. **Lý do:** Vì đây là trách nhiệm của người tiếp nhận hồ sơ theo quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

+ “*1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất*”: Điều chỉnh thành “**Người đăng ký biến động**”. **Lý do:** Nội dung trùng lặp. Thông tin này đã được thể hiện chi tiết trên Giấy chứng nhận đã cấp, đã được lưu trữ tại cơ quan đăng ký.

+ “*2. Giấy chứng nhận đã cấp*”:

Điều chỉnh chi tiết của mục “**2. Giấy chứng nhận đã cấp**” thành:

“**2.1. Số Giấy chứng nhận:**;

2.2. Ngày cấp:.....

2.3. Cơ quan cấp:.....”

Lý do: hợp lý hóa thông tin cần kê khai và tiết kiệm thời gian thực hiện.

+ “3. Nội dung biến động về:.....”

Đề nghị bỏ mục “3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động” và mục “3.2. Nội dung sau khi biến động”. **Lý do:** Nội dung trùng lặp. Thông tin này đã được thể hiện chi tiết trong hồ sơ

+ “5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động” : Đề nghị bỏ kê khai nội dung này. **Lý do:** Nội dung này nên để cơ quan Thuế hoặc cơ quan kiểm tra xác định và xác nhận và trong hồ sơ đã có kèm chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không cần thiết phải kê khai thông tin này.

+ “6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn nay gồm có” : Bỏ kê khai nội dung này. **Lý do:** Thành phần hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đã quy định chi tiết các loại giấy tờ cần nộp.

+ “Tôi có nhu cầu cấp GCN mới không có nhu cầu cấp GCN mới: Bỏ kê khai nội dung này. **Lý do:** Theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định cụ thể những trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp và những trường hợp cấp mới GCN. Do đó, nội dung này chỉ cần thiết kê khai nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 17 thông tư số 23/2014/TT-BTNMT.

3.2. Kiến nghị thực thi

a) Đề xuất bỏ quy định tại Khoản 40 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “o) Chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là không quá 5 ngày”.

b) Tại Điều 79 theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đề xuất bỏ nội dung “Chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng”.

Lý do: Trường hợp đăng ký biến động do chuyển quyền sử dụng đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng được quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Khoản 40 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ có nội dung tương đồng với trường hợp thỏa thuận hợp nhất quyền sử dụng đất của vợ và chồng đã được quy định tại thủ tục này.

c) Đơn giản hóa Nội dung Mẫu Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường). Trong đó loại bỏ một số nội dung không cần thiết, bị trùng lặp như:

- Bỏ “Phần ghi của người nhận hồ sơ” để tiết kiệm thời gian;

- Điều chỉnh “1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất” thành “1. Người đăng ký biến động”;

- Điều chỉnh chi tiết của mục “2. Giấy chứng nhận đã cấp” thành:

“2.1. Số Giấy chứng nhận:

2.2. Ngày cấp:.....

2.3. Cơ quan cấp:.....”

- Bỏ mục 3.1 và 3.2 vì trùng lặp thông tin trong hồ sơ; mục “5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động” vì không cần thiết; Mục 6 vì đã quy định trong thành phần hồ sơ”; bỏ nội dung “Tôi có nhu cầu cấp GCN mới không có nhu cầu cấp GCN mới.” vì Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định cụ thể.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

(Căn cứ kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục này trong 6 năm qua từ ngày 01/6/2015 đến ngày 01/6/2021, đã thực hiện tiếp nhận, giải quyết được 261 hồ sơ, bình quân mỗi năm tiếp nhận gần 44 hồ sơ/năm)

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính ban đầu: **193.599.032** đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của phương án đơn giản hóa: **182.689.232** đồng/năm;

- Khoản chi phí tiết kiệm được: **10.909.800** đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **5,635%**.

(Đính kèm biểu rà soát, đánh giá và bảng tính chi phí tuân thủ TTHC theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP).

4. Thủ tục: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Về thành phần hồ sơ:

Đề xuất sửa đổi điểm a Khoản 2 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thành “Người nhận chuyển quyền sử dụng đất nộp đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất và các giấy tờ hiện có”. Vì theo Khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai 2013 thì trường hợp này là đăng ký biến động đất đai (đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đã đăng ký mà có thay đổi).

Lý do: Tên các loại thành phần hồ sơ được quy định tại các văn bản pháp luật là không thống nhất nhau, cụ thể Điểm a Khoản 2 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “Người nhận chuyển quyền sử dụng đất nộp đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ...” khác với quy định thành phần hồ sơ tại Khoản 4 Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK”.

c) Về thời hạn giải quyết:

Đề nghị quy định rõ thời giải quyết và xem xét việc tính thời gian giải quyết các công việc như vào thời gian giải quyết công việc (như thời gian cơ quan thuế thực hiện xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính; thời gian UBND cấp xã chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai (trường hợp người nộp hồ sơ lựa chọn hình thức nộp hồ sơ tại UBND cấp xã); đồng thời quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Một số công việc có quy định thời gian nhưng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ như thời gian cơ quan thuế thực hiện xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính; thời gian UBND cấp xã chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai (trường hợp người nộp hồ sơ lựa chọn hình thức nộp hồ sơ tại UBND cấp xã). Điều này dẫn đến việc giải quyết hồ sơ thường bị gián đoạn, trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả không xác định được chính xác thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ.

d) Về Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn giản hóa mẫu đơn “**Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất**”, cụ thể ở những nội dung sau:

+ “*Phần ghi của người nhận hồ sơ*”: Bỏ nội dung này để tiết kiệm thời gian xử lý. **Lý do:** Vì đây là trách nhiệm của người tiếp nhận hồ sơ theo quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

+ “*1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất*”: Điều chỉnh thành “Người đăng ký biến động”. **Lý do:** Nội dung trùng lặp. Thông tin này đã được thể hiện chi tiết trên Giấy chứng nhận đã cấp, đã được lưu trữ tại cơ quan đăng ký.

+ “*2. Giấy chứng nhận đã cấp*”:

Điều chỉnh chi tiết của mục “*2. Giấy chứng nhận đã cấp*” thành:

“*2.1. Số Giấy chứng nhận:*”;

2.2. Ngày cấp:.....

2.3. Cơ quan cấp:.....”

Lý do: hợp lý hóa thông tin cần kê khai và tiết kiệm thời gian thực hiện.

+ “*3. Nội dung biến động về:.....*”

Đề nghị bỏ mục “3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động” và mục “3.2. Nội dung sau khi biến động”. **Lý do:** Nội dung trùng lặp. Thông tin này đã được thể hiện chi tiết trong hồ sơ

+ “5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động” : Đề nghị bỏ kê khai nội dung này. **Lý do:** Nội dung này nên để cơ quan Thuế hoặc cơ quan kiểm tra xác định và xác nhận và trong hồ sơ đã có kèm chứng từ hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không cần thiết phải kê khai thông tin này.

+ “6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn nay gồm có” : Bỏ kê khai nội dung này. **Lý do:** Thành phần hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đã quy định chi tiết các loại giấy tờ cần nộp.

+ “Tôi có nhu cầu cấp GCN mới không có nhu cầu cấp GCN mới: Bỏ kê khai nội dung này. **Lý do:** Theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định cụ thể những trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp và những trường hợp cấp mới GCN. Do đó, nội dung này chỉ cần thiết kê khai nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 17 thông tư số 23/2014/TT-BTNMT.

4.2. Kiến nghị thực thi

a) Đơn giản hóa Nội dung Mẫu Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (Mẫu 09/ĐK kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường).

Trong đó loại bỏ một số nội dung không cần thiết, bị trùng lặp như:

- Bỏ “Phần ghi của người nhận hồ sơ” để tiết kiệm thời gian;
- Điều chỉnh “1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất” thành “1. Người đăng ký biến động”;
- Điều chỉnh chi tiết của mục “2. Giấy chứng nhận đã cấp” thành:
 - “2.1. Số Giấy chứng nhận:
 - 2.2. Ngày cấp:.....
 - 2.3. Cơ quan cấp:.....”

- Bỏ mục 3.1 và 3.2 vì trùng lặp thông tin trong hồ sơ; mục “5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động” vì không cần thiết; Mục 6 vì đã quy định trong thành phần hồ sơ”; bỏ nội dung “Tôi có nhu cầu cấp GCN mới không có nhu cầu cấp GCN mới.” vì Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã quy định cụ thể.

b) Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thủ tục hành chính thứ 17 theo Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả/Trung tâm dịch vụ hành chính công của UBND cấp có thẩm quyền hoặc nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

2. Đề nghị sớm triển khai thực hiện việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí (trên cổng thông tin điện tử của tỉnh phải có công cụ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí).

3. Đề nghị quy định, xem xét việc tính thời gian giải quyết các công việc như cơ quan thuế thực hiện xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính, thời gian UBND cấp xã chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai (trường hợp người nộp hồ sơ lựa chọn hình thức nộp hồ sơ tại UBND cấp xã) để đảm bảo việc giải quyết hồ sơ không bị gián đoạn, xác định được chính xác thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; đồng thời quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

(Căn cứ kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục này trong 6 năm qua từ ngày 01/6/2015 đến ngày 01/6/2021, đã thực hiện tiếp nhận, giải quyết được 135 hồ sơ, bình quân mỗi năm tiếp nhận gần 23 hồ sơ/năm)

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính ban đầu: **124.469.698** đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của phương án đơn giản hóa: **118.766.848** đồng/năm;
- Khoản chi phí tiết kiệm được: **5.702.850** đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **4,586%**.

(Đính kèm biểu rà soát, đánh giá và bảng tính chi phí tuân thủ TTHC theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP).

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Nhận xét chung

Nhìn chung, công tác rà soát, đánh giá TTHC năm 2021 được huyện nghiêm túc triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện đã phối hợp chặt chẽ trong thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC theo kế hoạch đề ra.

Qua kết quả rà soát đã phát hiện và đề xuất nhiều phương án đơn giản hóa TTHC kiến nghị UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền cắt giảm hoặc điều chỉnh. Các phương án, sáng kiến tập trung vào những nội dung: bãi bỏ các thành

phần hồ sơ không cần thiết, loại bỏ những yêu cầu, điều kiện bất hợp lý, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những quy định còn chồng chéo, bất cập.

2. Một số tồn tại, hạn chế:

Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện: Đôi lúc chưa chủ động đăng ký rà soát, đánh giá đối với các TTHC do ngành tham mưu, mà chủ yếu thực hiện theo yêu cầu của lãnh đạo UBND huyện, từ đó số lượng TTHC đăng ký rà soát chưa nhiều.

Đối với UBND các xã, thị trấn: Có đăng ký và tổ chức rà soát TTHC theo quy định, tuy nhiên rất ít các đơn vị đưa ra được các phương án đơn giản hoặc có đề xuất phương án mà chỉ dừng lại ở mức kiến nghị.

Công tác rà soát, đánh giá TTHC là nhiệm vụ khó khăn, có rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định các bộ phận cấu thành của TTHC, công chức chuyên môn chưa có tính chủ động, tích cực trong việc rà soát TTHC đối với các TTHC thuộc ngành tham mưu, từ đó số lượng TTHC đăng ký rà soát chưa nhiều, những sáng kiến đơn giản hóa đôi lúc chưa mang tính khả thi.

Trên đây là tình hình, kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 của UBND huyện Long Phú./.

Nơi nhận:

- VP. UBND tỉnh (phòng KSTTHC);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- CT, PCT HQL;
- Phòng TN&MT, Chi nhánh VP.ĐKDD;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Quốc Lâm